Bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc Việt Nam

Ngô Thị Hương[1]

[1] Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên.
Email: huongngopb@gmail.com

Nhận ngày 2 tháng 3 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 5 năm 2019.

Tóm tắt: Bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc vừa mang những đặc trưng cơ bản của bản sắc văn hóa Việt Nam, vừa mang những đặc trưng riêng của vùng Đông Bắc do những điều kiện về tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử cũng như điều kiện kinh tế - xã hội truyền thống quy định. Những giá trị văn hóa tạo thành bản sắc đó có vai trò quan trọng, là sức mạnh nội sinh để các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc hòa nhập theo xu thế phát triển.

Từ khóa: Bản sắc văn hóa, dân tộc thiểu số, vùng Đông Bắc.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The cultural identity of ethnic minorities in the Northeast of Vietnam bears both the basic characteristics of Vietnamese cultural identity and its own characteristics resulting from natural conditions and historical circumstances as well as traditional socio-economic conditions. The cultural values that make up that identity have an important role, which is the endogenous strength for the local ethnic minorities to integrate with the development trend.

Keywords: Cultural identity, ethnic minorities, the Northeast.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Văn hóa tạo nên diện mạo đặc thù của mỗi một dân tộc. Khi nhắc đến một dân tộc nào người ta thường nghĩ đến nền văn hóa của dân tộc đó. Trong đó, bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc chính là cái cốt lõi, đặc trưng, bản chất nhất của văn hóa dân tộc, là bản chất, linh hồn, cốt cách, bản lĩnh của một dân tộc, một tộc người. Nó được hình thành, phát triển trong lịch sử và được biểu hiện thông qua nhiều sắc thái văn hóa, là dấu hiệu để nhận biết một nền văn hóa và phân biệt với nền văn hóa khác.

Trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, các dân tộc thiểu số có số lượng dân cư ít nhưng tộc người nào cũng có nền văn hóa truyền thống với những giá trị cốt lõi, ổn định, tinh túy nhất được hình thành trong những điều kiện tự nhiên, xã hội - lịch sử, kinh tế, chính trị của riêng mình. Điều đó đã tạo ra một tính hữu thể riêng tự phân biệt với các tộc người khác về mặt tự nhiên, về diện mạo, phẩm chất, năng lực sáng tạo. Sự tự phân biệt, tự xác định đó tạo ra những cái gọi là bản sắc văn hóa tộc người. Bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam vừa mang những đặc trưng cơ bản của bản sắc văn hóa Việt Nam, như: "Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng gắn kết cá nhân, gia đình, làng nước, lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đầu óc thực tế, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, tế nhị trong ứng xử, giản dị trong lối sống" [6]. Bên cạnh đó, mỗi dân tộc thiểu số còn có những sắc thái văn hóa riêng, độc đáo góp phần tạo nên một nền văn hóa Việt Nam phong phú, đa dạng. Đồng thời cũng góp phần tạo nên bản sắc riêng, độc đáo của nền văn hóa Việt Nam trong cộng đồng văn hóa khu vực và thế giới.

Cư trú trên một địa hình đa dạng với môi trường tự nhiên phong phú, các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc đã sáng tạo nên nhiều giá trị văn hóa độc đáo, giàu bản sắc mang tính đặc trưng cho toàn vùng. Có thể nói, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc như một rừng hoa ngập tràn sắc hương. Mỗi một sắc hương biểu trưng cho sắc đẹp của một dân tộc và góp phần tạo nên sự đa dạng trong bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc. Thông qua sự đa dạng, phong phú đó cho thấy được các giá trị đặc trưng, bản chất, cốt lõi, tinh túy nhất trong văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây. Bài viết này tập trung phân tích một số đặc trưng cơ bản của bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc, như: thế giới quan thần bí, sơ khai, tín ngưỡng vạn vật hữu linh; đề cao đời sống tinh thần sống đoàn kết, hài hòa, tình nghĩa; cần cù, thông minh, sáng tạo và thích ứng với môi trường tự nhiên…

2. Thế giới quan thần bí, sơ khai, tín ngưỡng vạn vật hữu linh

Đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc Việt Nam có những quan niệm khá thú vị về thế giới xung quanh thông qua các truyền thuyết dân gian, dân ca, truyện cổ. Theo đó, vũ trụ được tạo ra một cách huyền bí từ một vị thần, mỗi dân tộc gọi vị thần đó bằng các tên gọi khác nhau. Chẳng hạn, dân tộc Tày gọi vị thần tạo ra vũ trụ là *Pụt Luông*, dân tộc Mông gọi là *Ông chày*.

Đồng bào quan niệm vũ trụ gồm ba tầng: tầng trên cao là trời, nơi trú ngụ của Ngọc Hoàng và các vị thần, tổ tiên; tầng giữa là mặt đất, là nơi cư trú của con người; tầng dưới mặt đất là âm phủ, nơi giam hãm của những linh hồn con người sau khi chết. Có thể thấy, ngôi nhà sàn của đồng bào dân tộc Tày, Nùng là sự thể hiện một cách điển hình kiểu không gian ba tầng, đó là tầng đất, tầng sàn và tầng gác. Nó phản ánh thế giới ba tầng tương ứng với ba mường: mường trời, mường đất và mường nước (mường dưới mặt đất). Trong đó, tầng đất là gầm sàn, nơi dành cho công cụ sản xuất, gia súc, gia cầm; tầng sàn là sàn nhà dành cho người ở và đồ gia dụng phục vụ nhu cầu hàng ngày của con người; tầng gác dành làm kho chứa lương thực.

Các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc đều quan niệm, khi con người sống làm được nhiều việc tốt, hữu ích, giúp đỡ mọi người thì sau khi chết đi, linh hồn sẽ được lên trời, đoàn tụ với tổ tiên. Nếu khi sống làm nhiều việc ác thì sau khi chết sẽ bị đầy xuống âm ti địa ngục và bị giam hãm ở đó. Quan niệm này đã góp phần giáo dưỡng con người với những đức tính hướng thiện, ăn ở hiền lành, phúc đức, làm ăn thật thà, lương thiện, chân thành giúp đỡ nhau trong những cơn hoạn nạn, khó khăn, không mưu mô, tính toán thiệt hơn, dạy bảo nhau tránh xa điều ác, tránh xa điều gây hại đến đồng bào. Chính những đức tính tốt đẹp đó đã tạo nên bản chất con người dân tộc thiểu số Đông Bắc.

Ngoài ra, các dân tộc thiểu số nơi đây còn tin vào vạn vật hữu linh, coi tất cả mọi vật xung quanh con người đều có hồn; coi núi, sông đều có thần. Do đó, ngoài thờ cúng tổ tiên, họ còn thờ cả thổ công và các vị thần. Cầu xin thổ công và các vị thần diệt trừ sâu bọ phá hoại mùa màng, cầu xin các vị thần phù hộ cho cây lúa, cây ngô phát triển tươi tốt, cho gia súc, gia cầm phát triển đầy chuồng. Với niềm tin và mong muốn như vậy, nên đã nảy sinh nghề cúng bái trong nhân gian để thực hiện các nghi lễ đối với các vị thần nhằm cầu an, cầu tự, đuổi ma, trừ tà, giải hạn, chữa bệnh cho người và cho gia súc. "Quan niệm này cũng là nguyên nhân để đồng bào tổ chức nhiều lễ hội: lễ hội cầu mưa, các lễ hội cúng thần núi, thần sông, thần nông nghiệp được tổ chức rộng rãi ở vùng này" [7, tr.121].

Như vậy, thế giới vô hình trong quan niệm và tưởng tượng của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc hết sức sinh động và cụ thể. Có thể hình dung trong quan niệm của họ thì thế giới là một thể thống nhất của ba cõi: cõi trời, cõi người và cõi âm ti địa ngục. Trong đó, cõi người là trung tâm mà ở đó bất kỳ sự vật nào từ cỏ cây, sông núi, đất đai đều có linh hồn. Sự mô hình hóa một cõi trời, nơi yên nghỉ của những gia đình, dòng họ, làng bản... của những linh hồn con người đã từng trú ngụ trên mặt đất chính là sự phản ánh khát vọng về một cuộc sống vĩnh hằng sau cái chết của con người. Đồng thời giáo dục cho những người đang sống làm thật nhiều việc tốt, tránh xa điều ác để sau khi chết đi linh hồn được sống sung sướng nơi cõi trời mà không bị đày đọa, tra tấn nơi âm ti địa ngục. Ở đây, tư tưởng của Phật giáo đã len lỏi vào tư tưởng, đời sống của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc, mặc dù ở vùng này rất ít hệ thống chùa chiền.

Ngoài ra, theo quan niệm nơi đây, để linh hồn con người sau khi chết được lên trời đoàn tụ với tổ tiên, thì cần sự giúp đỡ của hệ thống các thầy Tào, thầy Mo với những nghi lễ mang đậm ảnh hưởng của Đạo giáo. Với vai trò chủ đạo trong thực hành nghi lễ, các thầy Tào, thầy Mo đã thực hiện hành trình đưa linh hồn người quá cố lên trời bằng những nghi lễ nhuốm màu sắc thần bí. Con đường đến với tổ tiên của người quá cố cũng thần bí, thế giới thần linh nơi tổ tiên trú ngụ cũng cực kỳ thần bí, chỉ có các thầy Tào, thầy Mo mới có khả năng tiếp xúc và họ cũng là trung gian để kết nối thế giới người sống với thế giới người chết. Điều này đã phản ánh rõ thế giới quan thần bí sơ khai của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc.

3. Đề cao đời sống tinh thần, sống đoàn kết, hài hòa, tình nghĩa

Các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc rất đề cao đời sống tinh thần, tâm linh, luôn có cách giải tỏa những lo âu, phiền muộn, đảm

bảo sự cân bằng tâm lý thông qua các nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người. Các nghi lễ đều tập trung vào việc chăm sóc phần đời sống tinh thần cho con người từ lúc sinh ra cho đến khi mất đi. Chẳng hạn, có những đôi vợ chồng hiếm muộn thì luôn đặt niềm tin vào lễ cầu tự để mong được có con cái. Trẻ sinh ra mong muốn được hay ăn chóng lớn và được che chở, bảo vệ bởi các bà mụ thì có lễ cúng đầy tháng. Đến khi trưởng thành để đảm bảo rằng người nam giới có khả năng tham gia vào những việc hệ trọng trong gia đình, dòng họ thì thực hiện lễ cấp sắc (người Dao). Đến lúc dựng vợ gả chồng thì có nghi lễ đám cưới, trong cuộc sống chẳng may ốm đau, bệnh tật thì tiến hành lễ cúng đuổi tà ma, lễ kỳ yên giải hạn, cầu mát. Khi cha mẹ có tuổi (thường ngoài 50 tuổi) thì con cái làm lễ mừng sinh nhật, lễ mừng thọ. Sau khi mất lại thực hiện nghi lễ tang ma...

Việc chăm lo đến đời sống tinh thần của bản thân mình cũng là điều kiện để chăm lo đời sống tinh thần cho cả cộng đồng. Tất cả các nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người như trên đều được thực hiện cầu kỳ, nghiêm túc theo những quy định của từng cộng đồng dân tộc và có sự tham gia của các thành viên trong gia đình, dòng họ, làng bản tạo nên sự cố kết bền chặt. Ngoài ra, sự cố kết cộng đồng được thể hiện thông qua các nghi lễ trong phạm vi làng bản như nghi lễ cúng thổ công - người cai quản một làng, một bản. Các nghi lễ liên quan đến thiên nhiên như nghi lễ cúng thần sông, thần suối, thần rừng, nghi lễ cầu mưa, nghi lễ xuống đồng... với những quy định chung của cả cộng đồng, yêu cầu các thành viên trong cộng đồng cùng thực hiện đã tạo nên sợi dây vô hình liên kết các thành viên lại với nhau, tạo nên sự cố kế bền chặt trong phạm vi làng bản.

Như vậy, các nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người cũng như các nghi lễ liên quan đến thiên nhiên không chỉ giúp con người giải tỏa và cân bằng tâm lý mà còn tạo ra sợi dây vô hình cố kết gia đình, dòng họ, làng bản. Trong cuộc sống cũng như trong nghi lễ, các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc ứng xử với nhau chủ yếu bằng tình làng, nghĩa xóm, ít khi xảy ra tranh chấp, bon chen. Đời sống tự cấp, tự túc tạo ra cho họ cuộc sống đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau. Mối quan hệ cộng đồng còn được thể hiện rõ trong lao động sản xuất, đó là hình thức đổi công giữa các nhóm gia đình, đáp ứng về mặt nhân lực theo tinh thần tự nguyện. Các chuẩn mực đạo đức xã hội hầu như không cần ghi chép, tự thân mỗi người trong bản được tiếp thu và thấm nhuần qua các thế hệ. Từ đó, tự mình biết cách ứng xử hài hòa với những người xung quanh tạo nên nét văn hóa đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc.

Trong cách ứng xử với thiên nhiên, đồng bào các dân tộc thiểu số luôn sống hài hòa với thiên nhiên, hòa mình vào thiên nhiên của núi rừng Đông Bắc. Hàng năm đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây vẫn tiến hành các nghi lễ biểu hiện sự tôn kính thiên nhiên như: lễ cúng thần rừng, thần sông, thần suối hay bất cứ một vật nào mà họ cho là có linh thiêng. Các nghi lễ nông nghiệp được thực hiện hàng năm trong phạm vi làng bản hay liên bản cũng thể hiện sự coi trọng thiên nhiên nhằm cầu mong sự mưa thuận, gió hòa, vạn vật sinh sôi, nảy nở. Đây là cách ứng xử nhằm hướng tới các giá trị nhân văn.

4. Đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường tự nhiên khắc nghiệt

Điều kiện tự nhiên của vùng Đông Bắc vô cùng khắc nghiệt, mùa hè nóng nực, mùa đông thì lạnh buốt cộng với thiên tai như hạn hán, lũ quét; có nơi lại quanh năm sương mù bao phủ khiến đất đai khô cằn, rửa trôi, bạc mầu không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Tuy vậy, bà con các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc vẫn cần cù lao động sản xuất để sinh tồn và phát triển. Từ trẻ đến già, cả cộng đồng lao động bền bỉ, cần mẫn trong bất cứ hoàn cảnh thời tiết nào. Cũng chính trong cuộc sống lao động đó hình thành đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó trong lao động sản xuất của đồng bào.

Qua quá trình lao động sản xuất, sự thông minh, sáng tạo của đồng bào được bộc lộ rõ nét trong việc chế tạo ra công cụ lao động, hình thành những tập quán canh tác đặc thù. Những chiếc cày, sản phẩm của nghề rèn, cấu tạo cái cuốc, con dao đều phù hợp với canh tác vùng miền núi. Dù canh tác nương rẫy hay canh tác ruộng nước, bà con đều sáng tạo ra những công cụ lao động phù hợp. Chẳng hạn, trong canh tác nương rẫy, bà con đã tạo ra những chiếc thuổng để đào củ mài, chiếc dao uốn cong làm cào bổ hốc tra ngô, cây vót nhọn chọc hố tra lúa nương... Trong canh tác, đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc biết xen canh, gối vụ, biết kết hợp nương rẫy với khai thác rừng tự nhiên, dược liệu quý. Vùng thung lũng thì kết hợp giữa cây lúa nước với thả cá, chăn nuôi và các nghề phụ... nên đã tạo ra những sản phẩm chất lượng cao mang đậm nét bản sắc văn hóa tộc người, những sản phẩm rượu ngô, rượu men lá, vải thổ cẩm, các loại thuốc lá chữa bệnh... có tính đặc trưng đó ngày càng khẳng định được giá trị trong cuộc sống hiện đại.

Ngoài ra, sự thông minh sáng tạo và khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt còn được biểu hiện thông qua trang phục, nhà ở, ẩm thực. Sống ở nơi địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt nên các dân tộc thiểu số nơi đây đã xây dựng nên những ngôi nhà có kiến trúc độc đáo, phù hợp với địa bàn cư trú của dân tộc mình. Đối với các dân tộc sống định cư, ổn định ở vùng thung lũng như dân tộc Tày, Nùng… thì kiến trúc nhà ở truyền thống của họ là nhà sàn. Các dân tộc sống ở vùng rẻo cao với lối sống du canh, du cư như dân tộc Mông, Dao thì kiến trúc nhà ở truyền thống của họ thường là những nhà ở đơn giản, tạm bợ (nhà nền đất phên vách nứa, nhà sàn tre nứa lá). Đối với các dân tộc (Mông, Dao) đã định canh, định cư thì họ làm nhà trình tường với kiến trúc độc đáo bởi hàng rào đá được xếp bao quanh ngôi nhà. Ngay cả trong cùng một dân tộc, nhưng phân bố ở những địa bàn khác nhau lại có kiến trúc nhà ở khác nhau. Điều này không phụ thuộc vào họ thuộc nhóm nào mà phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và địa bàn họ sinh sống. Chẳng hạn, nơi khí hậu mát về mùa hè và lạnh về mùa đông thì để chống chọi với cái lạnh của vùng núi đá phía bắc đồng bào ở đây thường làm nhà trình tường. Ở phía Tây và Tây Nam, khí hậu nóng ẩm hơn thì đồng bào làm nhà đất hoặc nhà sàn.

Sự đa dạng về trang phục với nhiều họa tiết hoa văn thể hiện sự sáng tạo, khéo léo của các chị em phụ nữ dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc. Sự khéo léo, cần cù được thể hiện từ khâu trồng bông, trồng lanh, dệt vải cho đến khi khâu vá được một bộ trang phục. Nếu trang phục của đồng bào Tày,

Nùng với màu chủ đạo là màu chàm, ít họa tiết, hoa văn thì trang phục của đồng bào dân tộc Mông, Dao sặc sỡ sắc màu, nhiều họa tiết, hoa văn trên trang phục. Với sự cần cù, chăm chỉ, khéo léo, đồng bào các dân tộc thiểu số đã tạo ra những sản phẩm mang dấu ấn của tộc người và có chất lượng cao như vải thổ cẩm. Ngoài phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nội bộ tộc người, sản phẩm còn là mặt hàng có giá trị cao trong trao đổi.

Sự thông minh, sáng tạo còn được thể hiện trong lĩnh vực ẩm thực với những món ăn đa dạng, độc đáo. Với ưu thế về nguồn nguyên liệu tự nhiên có sẵn trong vùng, các dân tộc thiểu số nơi đây đã tận dụng và tạo nên những món ăn độc đáo, mang đặc trưng riêng của từng dân tộc, chẳng hạn rau rớn, rau ngót rừng, rau tầm bóp, rau tập tàng... cùng với những lá cây rừng có thể chế biến để tạo ra đồ uống vừa có tác dụng giải khát vừa có tác dụng bồi bổ sức khỏe và chữa bệnh cho con người (các bệnh về gan, thận, xương khớp). Đồng thời, sự tinh tế và sáng tạo còn được thể hiện trong cả cách thức chế biến và bảo quản thực phẩm. Với địa hình khó khăn, hiểm trở, xa phiên chợ cùng với lối làm ăn tự cung tự cấp nên các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc đã biết cách bảo quản thực phẩm rất sáng tạo như: thịt muối, trứng muối, thịt sấy khô treo gác bếp, thịt làm lạp xưởng để gác bếp ăn quanh năm, cho thịt vào túi bóng buộc chặt thả xuống đáy giếng... Trong chế biến món ăn, đồng bào đã biết sử dụng nguồn gia vị có sẵn trong thiên nhiên hoặc do trồng được để chế biến những món ăn mang đậm hương vị của tộc người như thảo quả, hạt dổi, gừng, giềng, lá móc mật... Với việc tận dụng những sản phẩm, gia vị tự nhiên, đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc đã tạo ra những món ăn đặc trưng cho dân tộc mình, như: món khau nhục của đồng bào dân tộc Tày, Nùng được làm từ thịt lợn quấn bên trong là các gia vị như mộc nhĩ, nấm hương, hạt tiêu… và được hầm nhừ tạo ra hương vị rất thơm ngon. Món vịt quay Lạng Sơn nổi tiếng với gia vị chính là lá móc mật, thịt lợn muối chua của đồng bào dân tộc Dao, hay món thắng cố của đồng bào dân tộc Mông… Tất cả sự thông minh, sáng tạo, cần cù chịu khó đó đã tạo nên bản sắc riêng của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc.

Những sáng tạo từ nhỏ đến lớn, bao quát mọi thời điểm, phương diện của cuộc sống thường nhật cho chúng ta thấy, mặc dù sinh sống ở những địa bàn khó khăn, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, nhưng đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc không khuất phục trước những khó khăn mà vẫn bám trụ quê hương, cần mẫn, chịu thương, chịu khó lao động sản xuất để vươn lên. Đồng thời, không ngừng tìm tòi, khám phá để tìm ra phương thức sinh tồn phù hợp với điều kiện tự nhiên vốn có.

5. Cách tư duy tự nhiên, chân thật, phản ánh lối sống giản dị, mộc mạc

Lối tư duy tự nhiên, chân thật xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử cũng như điều kiện tồn tại và phát triển. Sống ở nơi có điều kiện giao thông không thuận lợi, địa hình khó khăn, đời sống vật chất của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc rất chật vật và nghèo khó. Bà con cũng ít được học hành, tiếp xúc với những thành tựu văn minh. Để sinh tồn và phát triển trong điều kiện như vậy, bà con thường chỉ tin vào những thứ mắt thấy, tai nghe, những thứ cụ thể, thiết

thực. Trong quá trình lao động sản xuất và sinh tồn, đồng bào đều chủ yếu tự mình quan sát trực tiếp các hiện tượng thiên nhiên cũng như những điều kiện sản xuất xung quanh để có cách thức sản xuất và tạo ra công cụ lao động phù hợp, chủ yếu là công cụ lao động thô sơ và cách thức làm ăn giản đơn. Những kinh nghiệm của người trước, thế hệ trước thường được truyền lại cho con cháu bằng cách trực tiếp, thị phạm.

Quan hệ giữa người với người, quan hệ với cộng đồng được diễn ra chủ yếu theo tính chất chân thật, tin tưởng lẫn nhau. Bà con hầu như không biết lừa dối. Bản chất con người mộc mạc, giản dị, bộc trực, nghĩ gì nói đó, nói thế nào làm như vậy, không giấu giếm, không khéo léo, ngụy tạo. Lối sống bình dị thể hiện trong cung cách sinh hoạt, trong trang phục, ẩm thực cũng như trong cách bài trí ngôi nhà. Chính những điều này đã tạo nên một không gian sinh tồn đậm chất tự nhiên nguyên sơ của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc. Đến với các dân tộc thiểu số nơi đây, con người dường như được thực sự hòa mình vào thiên nhiên của cỏ cây, non nước, mây trời, hòa mình vào với cộng đồng những con người chất phác, mộc mạc, giản dị nhưng tình cảm lại hết sức nồng ấm với tập quán hiếu khách, trọng khách, với sự nhân đạo, nhân văn vốn có.

6. Kết luận

Đông Bắc - vùng đất giàu truyền thống cách mạng, nơi hội tụ của hơn 20 dân tộc thiểu số, là khu vực đang hòa mình vào sự chuyển nhịp sôi động mà vẫn giữ được nhiều giá trị văn hóa truyền thống mang bản sắc văn hóa của vùng. Những giá trị văn hóa đó thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan, cách thức tư duy, lý tưởng thẩm mỹ của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc.

Tài liệu tham khảo

[1] Huỳnh Công Bá (2015), *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng - tiểu vùng ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế.

[2] Trần Bình (2011), *Văn hóa mưu sinh của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc Việt Nam*, Nxb Thời đại, Hà Nội.

[3] Huy Cận (1994), *Suy nghĩ về bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] Ma Ngọc Dung (2005), *Truyền thống và biến đổi trong tập quán ăn uống của người Tày vùng Đông Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ nhân học, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

[5] Thành Duy (2006), *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa văn hóa Việt Nam mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7] Hoàng Nam (2004), *Văn hóa các dân tộc vùng Đông Bắc Việt Nam*, Nxb Trường Đại học Văn hóa, Hà Nội.

[8] Tập thể các tác giả (1999), *Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc - vai trò của nghiên cứu và giáo dục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.